

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 267/2025/HS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh
Ông Phan Nhựt Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 501/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Trần Kim P; Do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Bị cáo:** **Trần Kim P** (tên gọi khác P1), sinh năm 1978 tại tỉnh Tây Ninh; nơi ĐKNKTT: khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố C, Phường T, tỉnh Tây Ninh); nơi ở: ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp Đ, phường B, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: không có; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng Lâm Hoàng V, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2022 cho đến nay (vắng mặt).

- **Bị hại có kháng cáo:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố N, phường N, thành phố T (nay là phường B), tỉnh Tây

Ninh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Quang V1, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: D N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là D N, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)

(Trong vụ án, còn có 15 bị hại và 53 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng năm 2018, Trần Kim P làm nghề môi giới mua bán, chuyển mục đích sử dụng, phân lô, tách nhập, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Năm 2020, P vay tiền của Vũ Đức H1, sinh năm 1975, ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nhiều lần đến năm 2022 mất khả năng chi trả.

Để có tiền trả nợ, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 12/2022, Trần Kim P đã sử dụng thủ đoạn gian dối trong việc hứa hẹn giúp các bị hại trong việc mua bán đất, thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, phân lô, tách nhập thửa đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi các bị hại đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiền công cho P, P sử dụng tiền vào mục đích cá nhân hoặc chuyển nhượng, thế chấp những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ủy quyền; đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được ủy quyền, P giao cho Vũ Đức H1 để cản trù tiền lãi các khoản nợ của P đối với H1. Với thủ đoạn phạm tội nêu trên, Trần Kim P đã lừa đảo 16 bị hại chiếm đoạt tổng số tiền 3.813.500.000 đồng. Cụ thể như sau:

1/. Khoảng năm 2020, Nguyễn Thanh P2, sinh năm 1973, ngụ ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh thế chấp cho Trần Kim P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 48, diện tích 1958,6m² tại ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh và lập Hợp đồng ủy quyền cho P để vay số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, P vay của Hoàng Minh T1, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1984, ngụ ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh số tiền 200.000.000 đồng và chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông T1, bà C. Đến năm 2021, Nguyễn Thanh V2, sinh năm 1983, ngụ ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (là em ruột của Nguyễn Thanh P2) liên hệ với P và xin chuộc lại thửa đất số 264 với số tiền 150.000.000 đồng. P đồng ý và nhận số tiền

87.000.000 đồng của ông V2. Sau đó, P trả cho ông T1, bà C số tiền 200.000.000 đồng. Ông T1, bà C đã lập hợp đồng ủy quyền cho P. P không thực hiện chuyển nhượng cho ông V2 theo thỏa thuận mà chuyển nhượng phần đất này cho Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1985, ngụ khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 350.000.000 đồng. Ông C1 đã thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng phần đất nêu trên.

Như vậy, Trần Kim P đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Thanh V2 số tiền 87.000.000 đồng.

2/. Từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2022, Nguyễn Văn T2, sinh năm 1959, ngụ khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục thừa kế, nhập thừa với tiền công là 60.000.000 đồng. Ông T2 đã đưa trước cho P số tiền 45.000.000 đồng. Tuy nhiên, P không thực hiện làm thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

3/. Ngày 17/01/2022, Nguyễn Văn P3, sinh năm 1967, ngụ ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh nhờ P làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích (30x 30)m tại ấp G, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. P3 đưa cho P số tiền 145.000.000 đồng. P không thực hiện như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền này.

4/. Khoảng tháng 02/2022, Ngô Thị Hoài T3, sinh năm 1980, ngụ ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh thế chấp cho P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 575, tờ bản đồ số 14, địa chỉ ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và lập hợp đồng ủy quyền để vay của P số tiền 250.000.000 đồng. Sau đó, P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T4, sinh năm 1968, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh và chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng.

5/. Từ tháng 02/2022 đến tháng 6/2022, Lê Ngọc L1, sinh năm 1990, ngụ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất với tiền công là 120.000.000 đồng. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

6/. Ngày 31/3/2022, Phan Quốc T5, sinh năm 1993, ngụ khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh lập hợp đồng ủy quyền cho P thửa đất số 695, tờ bản đồ số 8, địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, diện tích 157,6 m² để tham gia vụ án dân sự có liên quan đến phần đất nêu trên. Sau khi được ủy

quyền, P đã chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông Lê Văn T4 và chiếm đoạt số tiền 650.000.000 đồng.

7/. Ngày 22/4/2022, Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1992, ngụ khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh mua của P phần đất diện tích 367,4 m², thửa đất số 359, tờ bản đồ số 39, địa chỉ ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được công chứng thì bà H2 đưa cho P 220.000.000 đồng tiền mua đất và 500.000 đồng nhờ P hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. P nhận tiền nhưng không làm các thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

8/. Ngày 09/5/2022, Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1990, ngụ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ P làm thủ tục nhập thửa với tiền công là 15.000.000 đồng. P không thực hiện như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

9/. Ngày 31/5/2022, Huỳnh Ngọc Kim T6, sinh năm 1981, ngụ 7 C, phường A, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh mua của P phần đất diện tích 154,8 m², thửa số 489, tờ bản đồ số 5, địa chỉ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được công chứng thì bà T6 đưa cho P 300.000.000 đồng tiền mua đất và 2.500.000 đồng tiền nhờ P hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

10/. Ngày 08/6/2022, Nguyễn Thọ B, sinh năm 1976, ngụ khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương mua của P phần đất diện tích 116,9 m², thửa số 438, tờ bản đồ số 4, địa chỉ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh với số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất và được công chứng thì ông B đưa cho P 300.000.000 đồng tiền mua đất và 30.000.000 đồng tiền nhờ P hoàn thành các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện các thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

11/. Ngày 28/7/2022, Trần Thanh T7, sinh năm 1981, ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục nhập thửa với tiền công là 28.000.000 đồng. Ông T7 đưa trước cho P 14.000.000 đồng. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

12/. Khoảng tháng 7/2022, Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967, ngụ khu phố H, phường H, thành phố T đưa cho P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tiền công là 19.000.000 đồng. Bà N1 đưa trước cho P 9.000.000 đồng. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

13/. Từ tháng 7/2022 đến tháng 12/2022, Đặng Văn H3, sinh năm 1991, ngụ ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh đưa cho P 18 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhờ làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất với tiền công là 340.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

14/. Ngày 14/8/2022, Trịnh Văn L2, sinh năm 1962, ngụ khu phố T, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước đã đưa cho P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất với tiền công là 16.000.000 đồng. Ông L2 đưa trước cho P 10.000.000 đồng. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

15/. Từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2022, Lê Văn T8, sinh năm 1978, ngụ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 22 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất với tiền công là 547.000.000 đồng. Ông T8 đưa trước cho P số tiền 333.500.000 đồng. P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

16/. Từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022, Huỳnh Thị Thu H4, sinh năm 1980, ngụ ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh đã đưa cho P 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với tiền công là 42.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P không thực hiện thủ tục như thỏa thuận mà chiếm đoạt số tiền trên.

17/. Ngày 18/11/2022, Trần Thị Kim C2, sinh năm 1992, ngụ ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh thế chấp cho P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hợp đồng ủy quyền có công chứng để vay số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, P chuyển nhượng phần đất này cho ông Trần Văn H, sinh năm 1966, ngụ khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 250.000.000 đồng. P chiếm đoạt số tiền này.

18/. Ngày 14/7/2022, Trần Kim P bán cho vợ chồng ông Trần Minh M và bà Võ Thị H5 01 xe ô tô Toyota Zace biển số 70A-126.91 với giá 150.000.000 đồng. Do không có tiền trả nên cùng ngày ông M và bà H5 đến Văn phòng C3 ký hợp đồng ủy quyền toàn phần thửa đất số 818, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp T,

xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh cho P, khi nào có tiền trả thì P sẽ cho chuộc lại đất. Khoảng 05 ngày sau, ông M nói với P có người muốn mua đất với giá 50.000.000 đồng/01 mét ngang và P mua của ông M 06 mét ngang với giá 300.000.000 đồng. Trừ đi tiền bán xe, P đưa lại cho ông M 150.000.000 đồng. Sau đó, P biết ông M định chia cho con ông M 06 mét ngang và con của ông M cũng muốn bán nên P mua thêm 06m ngang với giá 300.000.000 đồng, trả trước cho ông M 70.000.000 đồng, còn nợ 230.000.000 đồng. Đến ngày 28/9/2022, P nói dối với ông Trần Văn H là P đã mua toàn bộ thửa đất này và chuyển nhượng cho ông H để chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh tây Ninh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Kim P (tên gọi khác P1) phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1/. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Kim P (tên gọi khác P1) 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 31/12/2022.

2/. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Kim P (tên gọi khác P1) bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 3.813.500.000 (ba tỷ tám trăm mười ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Trong đó, bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự với các bị hại khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 22/5/2025, bị hại Trần Văn H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông H không phải là bị hại trong vụ án; không buộc bị cáo Trần Kim P bồi thường cho ông H 850.000.000 đồng vì đây là tiền ông H đã thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Kim C2, ông Trần Minh M cùng vợ là bà Võ Thị H5; đề nghị tách việc giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và bà Trần Thị Kim C2, ông Trần Minh M cùng bà Võ Thị H5 giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Ngày 23/5/2025, bị hại Trần Mỹ H6, Nguyễn Quốc B1, Phạm Thị A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; tuy nhiên nội dung đơn kháng cáo không xác

định rõ kháng cáo phần nào của bản án sơ thẩm, nội dung yêu cầu cụ thể và lý do kháng cáo. Ngày 26/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Thông báo số 26/TB-TA và 27/TB-TA yêu cầu bà Trần Mỹ H6, Nguyễn Quốc B1, Phạm Thị A sửa chữa, bổ sung đơn kháng cáo. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trong thông báo, bà H6, ông B1, bà A không thực hiện. Do đó, kháng cáo của bà H6, ông B1, bà A không hợp lệ, không được thụ lý giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị hại Trần Văn H (có ông Đỗ Quang V1 đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trần Văn H là bị hại và tuyên buộc bị cáo P có trách nhiệm trả cho ông H số tiền chiếm đoạt là 850.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại ông Trần Văn H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn H làm trong thời hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến tháng 12/2022, bị cáo Trần Kim P đã nhiều lần sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin có khả năng giúp các bị hại trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thực hiện các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phân lô tách thửa đất, làm cho các bị hại tin tưởng để giao tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo P. Sau đó, bị cáo P đã thế chấp, chuyển nhượng, cầm cố hoặc không thực hiện công việc như thoả thuận, để chiếm đoạt tiền của 16 bị hại gồm: ông Nguyễn Thanh V2 số tiền 87.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T2 số tiền 45.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn P3 số tiền 145.000.000 đồng; ông Lê Văn T4 số tiền 950.000.000 đồng; bà Lê Ngọc L1 số tiền 120.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc H2 số tiền 220.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ú số tiền 15.000.000 đồng; bà Huỳnh Ngọc Kim T6 số tiền 302.500.000 đồng; ông Nguyễn Thọ B số tiền 330.000.000

đồng; ông Trần Thanh T7 số tiền 14.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị N1 số tiền 9.000.000 đồng; ông Đặng Văn H3 số tiền 340.000.000 đồng; ông Trịnh Văn L2 số tiền 10.000.000 đồng; ông Lê Văn T8 số tiền 333.500.000 đồng; bà Huỳnh Thị Thu H4 số tiền 42.000.000 đồng; ông Trần Văn H số tiền 850.000.000 đồng; tổng cộng 3.813.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và xử phạt bị cáo Trần Kim P 16 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và buộc bị cáo P bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt như đã nêu trên.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại không kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền không kháng nghị về tội danh và hình phạt đối với bị cáo nên nội dung này có hiệu lực thi hành, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét kháng cáo của bị hại về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Văn H cho rằng ông H thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Trần Thị Kim C2, vợ chồng ông Trần Minh M, bà Võ Thị H5 (do bị cáo P đại diện ủy quyền) là đúng quy định pháp luật; số tiền 850.000.000 đồng ông H chuyển cho bị cáo là tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; việc chuyển nhượng đã thực hiện xong nên ông H không phải là người bị hại trong vụ án. Xét thấy, kết quả điều tra thể hiện bị cáo P cho bà Trần Thị Kim C2, vợ chồng ông Trần Minh M, bà Võ Thị H5 vay tiền nhưng buộc bà C2, vợ chồng ông M ký hợp đồng ủy quyền chuyển nhượng, tặng cho, định đoạt quyền sử dụng đất để thế chấp đảm bảo khoản vay. Bị cáo P biết rõ hợp đồng ủy quyền chỉ là giả cách, thực tế các bên không thực hiện thỏa thuận ủy quyền như hợp đồng đã ký, cũng như không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua hình thức ký hợp đồng ủy quyền nhưng bị cáo P đưa ra thông tin gian dối, cho rằng đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà C2 và vợ chồng ông M để ông H tin tưởng, ký kết hợp đồng chuyển nhượng với bị cáo và giao tiền. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đối tượng bị cáo hướng tới để chiếm đoạt là số tiền ông H giao để thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H là bị hại; buộc bị cáo bồi thường cho ông H số tiền 850.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Ông H kháng cáo yêu cầu xác định ông H không phải là bị hại, tách giao dịch dân sự của ông H với bà C2 và vợ chồng ông M để giải quyết bằng vụ án khác là không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Trần Văn H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2025/HS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

1/. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Kim P (tên gọi khác P1) bồi thường cho ông Trần Văn H số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001135 ngày 26/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh) vào phần án phí phải chịu; ông H đã thực hiện xong.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Bị cáo (1);
- Ông Trần Văn Hảo (1);
- Lưu VP(5), HS(2).14b.PPC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng